



lán bǎo shí
蓝宝石
noun · sapphire

Example Sentences

Tā dài zhe yī méi lán bǎo shí jiè zhǐ.
她戴着一枚蓝宝石戒指。

She is wearing a sapphire ring.

Lán bǎo shí de yán sè fēi cháng měi lì.
蓝宝石的颜色非常美丽。

The color of the sapphire is very beautiful.

Trace each character, then write the word on your own.

蓝	蓝	蓝	蓝	蓝	蓝	蓝	蓝	蓝	蓝	蓝
蓝	蓝	蓝	蓝	蓝						
宝	宝	宝	宝	宝	宝	宝	宝	宝	宝	宝
石	石	石	石	石	石	石	石			